

Bản án số: 100/2026/DS-ST
Ngày: 23-7-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

Đến ngày 27/12/2025, bà **N** đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 247.017.080 đồng. Bà **N** đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 199.900.000 đồng. Trong đó: phí trễ hạn: 221,829 đồng, phí vượt hạn mức: 50.000 đồng, phí: 599.000 đồng, lãi phát sinh: 2.161.023 đồng và thanh toán gốc 196.868.148 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 28/3/2026, Bà **N** vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà **N** và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn với số tiền 54.278.402 đồng (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 23/7/2025, bà **N** còn nợ ngân hàng các khoản sau: Dư nợ: 54.278.402 đồng, **L** quá hạn: 6.187.094 đồng. Tổng cộng: 60.465.496 đồng (*Sáu mươi triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi sáu đồng*).

Lãi suất trong hạn: 2.48%/tháng

Lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.48% x 150%)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà **N** có trách nhiệm thanh toán nhưng bà **N** vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, **Ngân hàng TMCP S** kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc bà **Trần Thị Tố N** phải trả ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/7/2026 là 60.465.496 đồng (*Sáu mươi triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi sáu đồng*).

- Buộc bà **Trần Thị Tố N** phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 24/07/2026 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà **Trần Thị Tố N** để lấy lời khai và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà **N** vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng những quy định của pháp luật. Riêng bị đơn vi phạm các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 464, 465, 468 Bộ luật Dân sự để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S1**. Buộc bà **Trần Thị Tố N** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S1** số tiền 59.141.326 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 50.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.954.232 đồng và **L** quá hạn: 6.187.094 đồng). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bà **Trần Thị Tố N** về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại **tổ C, thôn T, xã H, thành phố Đà Nẵng**. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà **Trần Thị Tố N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà **N**.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: Ngày 25/6/2025, **Ngân hàng TMCP S** và bà **Trần Thị Tố N** ký hợp đồng thế tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Theo nội dung hợp đồng, **Ngân hàng TMCP S** cấp hạn mức tín dụng cho bà **Trần Thị Tố N** số tiền 50.000.000 đồng với lãi suất trong hạn: 2.48%/tháng, lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **N** đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 247.017.080 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 199.900.000 đồng. Đến ngày 28/03/2026, bà **N** vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng và tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/7/2026 bà **N** còn nợ Ngân hàng số tiền 59.141.326 đồng. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S** (nay là **Ngân hàng TMCP S1**) là phù hợp quy định của các Điều 463, 464, 465, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng .

[2.2] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm, bà **Trần Thị Tố N** phải chịu theo quy định của pháp luật là 59.141.326 đồng x 5 % = 2.957.066 đồng.

[2.3] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Áp dụng Điều 463, 464, 465 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S1**.

1.1. Buộc bà **Trần Thị Tố N** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S1** số tiền tạm tính đến ngày 23/7/2026 là 59.141.326 đồng theo ký hợp đồng thế tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành

và sử dụng thẻ tín dụng ngày 26/5/2026. Trong đó: Nợ gốc: 50.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.954.232 đồng và **L** quá hạn: 6.187.094 đồng.

1.2. Kể từ ngày 24/7/2026, bà **Trần Thị Tố N** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng thẻ tín dụng ngày 25/06/2025 cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc **Trần Thị Tố N** phải chịu là 2.957.066 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho **Ngân hàng TMCP S** (Nay là **Ngân hàng TMCP S1**) đã nộp là 1.284.993 đồng theo biên lai thu số 0003259 ngày 06/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu HS.

Phạm Phú Đạt

Nơi nhận:

-
-
-

THẨM PHÁN

Phạm Phú Đạt

